

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2020/HC-PT

Ngày 14 - 7 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 363/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2020/QĐPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1948; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22-3-2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng Văn P, chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1928; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

5. Ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

6. Ông Trần Văn D, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp An Thanh, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp H xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Phần đất diện tích 1.150 m² (thực tế là 1.280 m²) có nguồn gốc của cha mẹ là ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993) và mẹ là bà Bùi Thị T tạo lập trong tổng diện tích 20.297 m², đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Cha mẹ ông có 08 người con gồm: Nguyễn Thị G2 (chết) con là Trần Văn D, Nguyễn Thị G, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Long T (chết) con là Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Châu T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T.

Ngày 23-11-1998, mẹ ông lập Tờ tương phân quyền sử dụng đất thành 10 phần, trong đó 09 phần phân chia cho các người con, 01 phần diện tích còn lại 1.150 m² (thực tế là 1.280 m²) làm đất thổ mộ, hương quả được Ủy ban nhân dân xã A thị thực vào ngày 26-12-1998. Trên phần đất làm thổ mộ hiện trạng có 10 ngôi mộ. Ông T là em út tự đi đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ được Ủy ban nhân dân huyện T (sau đây gọi tắt là UBND) cấp GCNQSDĐ số CH10852 diện tích 1.280 m² thửa đất số 146, 148, 149, 177 tờ bản đồ số 47 vào ngày 16-12-2014 khi chưa được sự đồng ý của anh chị em. Đến ngày 31-5-2018, Ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi GCNQSDĐ số CS15012 diện tích 1.280 m² thửa 1390 tờ bản đồ số 47. Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số CH10852 của UBND

huyện T và GCNQSDĐ số CS15012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi cho Ông T.

Người bị kiện UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông Nguyễn Văn N (chết năm 1993) và bà Bùi Thị T tạo lập diện tích khoảng 02 ha, tọa lạc tại ấp An Phú, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ngày 23-11-1998, bà T lập Tờ tương phân quyền sử dụng đất chia diện tích đất này thành 10 phần, trong đó 09 phần chia cho các con và 01 phần diện tích 1.150 m² (thực tế là 1.280 m²) làm đất thổ mộ, hương quả. Tờ tương phân chia có mặt đầy đủ, thống nhất của các con được UBND xã A thi thực ngày 26-12-1998.

Ngày 25-12-2007 bà Bùi Thị T lập giấy cho con út là ông Nguyễn Ngọc T phần đất thổ mộ, hương quả diện tích 1.150 m² Ông T đi kê khai đăng ký đến ngày 16-12-2014 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số CH10852 diện tích 1.280 m² thửa số 146, 148, 149, 177 tờ bản đồ số 47, tại Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 24-4-2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 2046/QĐ-UBND cho phép ông Nguyễn Ngọc T được chuyển mục đích sử dụng từ đất BHK sang đất ở tại nông thôn ONT trong thửa đất số 177, diện tích 200 m². Ngày 12-7-2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND cho phép Ông T được chuyển mục đích sử dụng từ đất BHK sang đất ở tại nông thôn ONT trong thửa đất số 177, diện tích 200 m².

Ngày 31-5-2018 Ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 15012; diện tích 1.280 m² gồm ONT 400 m² + BHK 880 m² thửa đất 1390 hợp từ các thửa 146, 148, 149, 177. Ông P yêu cầu hủy GCNQSDĐ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-5-2019 UBND huyện T có văn bản giải quyết khiếu kiện việc ủy ban cấp giấy trên là không đúng theo quy định.

Người bị kiện Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Tây Ninh trình bày:

Ngày 16-12-2014, ông Nguyễn Ngọc T được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số CH10852 diện tích 1.280 m², mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác gồm thửa đất số 146, 148, 149, 177 tờ bản đồ số 47 tại ấp An Phú, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 24-4-2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2046/QĐ-UBND cho phép Ông T được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở tại nông thôn diện tích 200 m² thửa 177 và được Văn phòng đăng ký đất tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Trảng Bàng cập nhật biến động trang 4 GCN ngày 16-5-2017.

Ngày 12-7-2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND cho phép Ông T chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở tại nông thôn diện tích 200 m².

Ngày 11-5-2018 Ông T có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ. Sau khi tiếp nhận, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Trảng Bàng thẩm định hồ sơ và trình Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi GCNQSDĐ cho Ông T số CS15012 diện tích 1.280 m² thửa 1390 (hợp từ các thửa 146, 148, 149, 177) tờ bản đồ số 47.

Căn cứ khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho Ông T là đúng trình tự, thủ tục quy định. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày: Trước đây vào năm 1998 bà đã lập Tờ tương phân quyền sử dụng đất cho các con, diện tích 1.280 m² đang tranh chấp bà không chia cho ai, bà để sử dụng, sau này bà chết thì bà cho Ông T phần đất trên. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc đất và Tờ tương phân của bà T lập ngày 23-11-1998. Riêng phần đất thổ mộ và hương quả mẹ ông để lại làm thờ cúng ông bà. Hiện tại mẹ ông đang ở chung với ông, ngày 25-12-2007 mẹ ông làm giấy cho ông diện tích đất trên được xác nhận của UBND xã A, ông đã làm thủ tục đăng ký và được cấp GCNQSDĐ. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc đất và Tờ tương phân của bà T lập ngày 23-11-1998. Mẹ bà cho Ông T diện tích đất dùng làm thổ mộ, anh em không ai có ý kiến. Bà đề nghị không hủy GCNQSDĐ đã cấp cho Ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị B, ông Trần Văn D, ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông, bà thống nhất lời trình bày của ông P về nguồn gốc đất và Tờ tương phân của bà T lập ngày 23-11-1998. Diện tích 1.280 m² là đất thổ mộ của gia tộc, việc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho Ông T là không đúng. Do đó ông, bà đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số CH10852 của UBND huyện T và GCNQSDĐ số CS15012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi cho Ông T.

Tại Bản án 13/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về quy định tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10852 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 16 tháng 12 năm 2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS15012 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 31 tháng 5 năm 2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX192962, vào sổ số CH10852 cấp ngày 16/12/2014 của UBND huyện T và giấy chứng nhận số CO603083 vào sổ số CS15012 ngày 31/5/2018 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng do Ông T có công nuôi dưỡng cha mẹ nên Ông T đã được cha mẹ cho phần nhiều nhất diện tích 5.771m², còn một phần hơn 1.000m² là đất thổ mộ hiện có 10 ngôi mộ trên đất nhưng Ông T xây tường cao gạch lên cao, nếu cấp GCNQSD cho Ông T thì ông sẽ bán đất thổ mộ.

Ông Nguyễn Hữu T trình bày: Mẹ cho ông P đất thổ mộ do ông có công sức nuôi dưỡng, chăm sóc, những anh em khác không ai nuôi bố mẹ nên không được chia vì vậy đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:
biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ hai lần và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định tại Điều 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Phần đất diện tích 1.150 m² (thực tế là 1.280 m²) có nguồn gốc của cha mẹ là ông Nguyễn Văn N(chết năm 1993) và mẹ là bà Bùi Thị T tạo lập trong tổng diện tích 20.297 m², đất tọa lạc tại ấp An Phú, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 23/11/1998 bà T lập Tờ tương phân để phân chia quyền sử dụng đất cho các con. Tại tờ tương phân có mặt đầy đủ và thống nhất của các con bà T, có người làm chứng và được UBND xã A thị thực ngày 26/12/1998. Tại tờ tương phân thể hiện nội dung bà T chia ruộng đất cho các con, cụ thể ông Nguyễn Ngọc T được chia 5.771 m²; ông Nguyễn Hữu P được 2.320 m²; ông Nguyễn Ngọc T được 2.275 m²; ông Nguyễn Châu T được 2.016 m²; ông Nguyễn Long Thành (chết) có vợ là Trương Thị A được 1.947 m²; bà Nguyễn Thị G được 1.242 m²; bà Nguyễn Thị G2 được chia 1.188 m²; bà Nguyễn Thị B được chia 1.288 m²; bà Nguyễn Thị G được chia 800 m²; còn phần đất 1.150 m² (diện tích đất thực tế là 1.280 m²) là đất thổ mộ và hương hỏa thì không được tính vào phân chia (phần đất hương hỏa này do anh em thỏa thuận). Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất phần đất tích tranh chấp 1.150m² (thực tế là 1.280 m²) là đất thổ mộ, hương hỏa, thực tế trên đất có 10 ngôi mộ. Tuy nhiên, năm 2007 bà T lại lập Giấy cho phần đất này cho ông Nguyễn Ngọc T là trái với nội dung của tờ tương phân.

Tại Công văn số 192/UBND ngày 08/11/2018 và Công văn số 94/UBND ngày 16/5/2019 của UBND huyện T có nội dung: “Việc bà T lập Giấy cho đứt phần đất thổ mộ, hương hỏa diện tích 1.150m² cho con út là ông Nguyễn Ngọc T và việc Ông T kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.280m², thửa đất số 177, 148, 149, 146; tờ bản đồ 47 tại Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh thể hiện nguồn gốc đất mẹ cho con năm 1998 là trái với Tờ tương phân ngày 23/11/1998. Việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông T là không đúng quy định pháp luật.”

Như vậy, căn cứ Điều 673 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 670 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Di sản dùng vào việc thờ cúng:

1- Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng, thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế, thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.

Trong trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng, thì những người thừa kế cử một người quản lý di sản thờ cúng...

Diện tích đất nêu trên là đất của ông Nga, bà T để lại dùng làm đất thổ mộ và hương quả, chưa được sự thống nhất của những người thừa kế mà bà T cho phần đất này cho Ông T là không đúng nội dung Tờ tương phân ngày 23/11/1998 và không phù hợp quy định của pháp luật. Việc Ông T kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10852

ngày 16/12/2014 là không đúng quy định, dẫn theo GCNQSDĐ số CS15012 ngày 31/5/2018 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi cho Ông T cũng không đúng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX192962 số vào sổ cấp GCN: CH10852 ngày 16/12/2014 của UBND huyện T và giấy chứng nhận số CO603083 số vào sổ cấp GCN: CS15012 ngày 31/5/2018 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận ông Nguyễn Hữu P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu P.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BX192962 số vào sổ cấp GCN: CH10852 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 16 tháng 12 năm 2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO603083 số vào sổ cấp GCN: CS15012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp đổi cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 31 tháng 5 năm 2018.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 358 của Luật tố tụng hành chính. Ghi nhận ông P đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: Người bị kiện UBND huyện T và Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu P không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân

